

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 214/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ đến năm 2035 và phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, huyện Đức Phổ;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 13/01/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 212/BCTĐ-SXD ngày 06/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh, gồm các nội dung sau:

1. Về cơ cấu sử dụng đất

- Điều chỉnh một phần đất cây xanh chuyên đề khoảng 8,8ha (tại vị trí Cầu Mới đi Phố Minh) sang đất thương mại dịch vụ kết hợp ở, nhằm khai thác lợi thế mặt tiền sông Thoá, trục giao thông chính đô thị và hiện trạng đất ở dân cư.

- Điều chỉnh giảm quy mô công viên trung tâm từ 25,95ha xuống 9,59ha, kết hợp bố trí các công viên cây xanh phân tán trong các khu ở, phần diện tích còn lại bố trí đất dịch vụ công cộng, trường Trung học phổ thông, đất nhóm ở, đất giao thông.

- Điều chỉnh vị trí trung tâm văn hóa về phía Bắc trục chính N5 theo đúng vị trí hiện trạng.

- Điều chỉnh giảm quy mô đất nghĩa trang từ 24,34ha xuống 14,43ha, phần đất còn lại bố trí đất dự phòng phát triển.

2. Về giao thông

- Điều chỉnh cục bộ vị trí một số tuyến đường giao thông khung (gồm các tuyến N5, N11, D1) so với Quy hoạch chung nhằm phù hợp với dự án đường Dung Quất - Sa Huỳnh và hiện trạng khu vực.

- Điều chỉnh tim tuyến trục D1 về phía Tây khoảng 100m; điều chỉnh mặt cắt ngang trục D1 đoạn khu vực cảng Mỹ Á (từ 28,0m xuống còn 20,0m), nhằm hạn chế ảnh hưởng đến công trình hành chính và đất ở dân cư hiện trạng.

Điều 2. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ.

2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch thuộc một phần ranh giới hành chính phường Phổ Quang với quy mô khoảng 573ha, có giới cận như sau:

- + Phía Đông: Giáp đất hồ tôm và đất rừng ven Biển Đông;
- + Phía Tây: Giáp sông Thoa và các phường: Phổ Văn, Phổ Minh;
- + Phía Nam: Giáp cảng Mỹ Á và các phường: Phổ Minh, Phổ Vinh;
- + Phía Bắc: Giáp đất nghĩa địa và khu dân cư hiện hữu phường Phổ Quang.

3. Tính chất

- Là phân khu đô thị trung tâm phía Đông Bắc của đô thị Đức Phổ, bao gồm các chức năng chính: Khu dịch vụ, du lịch và khu đô thị kết hợp với cụm công nghiệp dịch vụ hậu cần nghề cá, được quy hoạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị loại IV;

- Là nơi tập trung nhiều nguồn lực quan trọng, thúc đẩy sự phát triển của khu vực phía Đông Bắc đô thị Đức Phổ nói riêng và toàn thị xã Đức Phổ nói chung;

- Với tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh và cảng Mỹ Á, đây sẽ là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	Tổng diện tích quy hoạch	ha	573
B	Dân số dự báo	người	17.143
I	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	
1	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	
	- Đất đơn vị ở bình quân	m ² /người	100-160
	- Đất công trình dịch vụ công cộng	m ² /người	≥4
	- Đất công viên cây xanh	m ² /người	≥6
	- Đất giao thông	m ² /người	≥10
2	Đất ngoài dân dụng	m ² /người	20-70
II	Hạ tầng xã hội		
1	Giáo dục		
	- Nhà trẻ, mẫu giáo	Chỗ/1000dân	≥50
		m ² / 1 chỗ	≥12
	- Trường tiểu học	Chỗ/1000dân	≥65
		m ² / 1 chỗ	≥10
	- Trường trung học cơ sở	Chỗ/1000dân	≥55
		m ² / 1 chỗ	≥10
	- Trường phổ thông trung học	Chỗ/1000dân	≥40

		$m^2/1 \text{ chỗ}$	≥ 10
2	Y tế		
	- Trạm y tế	Trạm/1000 dân	1
		$m^2/\text{trạm}$	500
	- Phòng khám đa khoa	$m^2/\text{công trình}$	3000
	- Bệnh viện đa khoa	$m^2/1000\text{giường}$	4
		$m^2/\text{giường}$	100
3	Thể dục thể thao		
	- Sân thể thao cơ bản	$m^2/\text{người}$	0,6
		$m^2/\text{công trình}$	1,0
	- Sân vận động	$m^2/\text{người}$	0,8
		$m^2/\text{công trình}$	2,5
	- Trung tâm thể dục thể thao	$m^2/\text{người}$	0,8
		$m^2/\text{công trình}$	3,0
4	Các công trình văn hóa (thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm...)		Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV
5	Chợ	ha/công trình	0,8 - 1,5
	- Cấp đơn vị ở	ha/công trình	0,2
	- Cấp đô thị	ha/công trình	1,0
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông	% diện tích đất XD đô thị	≥ 18
2	Chỉ tiêu cấp nước		
	Sinh hoạt	$l/\text{người.ngđ}$	≥ 120
	Công trình công cộng và dịch vụ	$l/m^2\text{sàn.ngđ}$	≥ 2
	Công trình du lịch	$l/\text{giường.ngđ}$	≥ 200
	Công trình công nghiệp, kho tàng	$m^3/\text{ha.ngđ}$	≥ 20
3	Chỉ tiêu cấp điện		
	Sinh hoạt	$Kwh/\text{ng/năm}$	750
	Công trình công cộng và dịch vụ	%	35
	Công trình nghỉ dưỡng	$Kwh/\text{giường}$	2,0-3,5
	Công trình công nghiệp, kho tàng	kW/ha	50-350
4	Chỉ tiêu nước thải		
	Sinh hoạt	$l/\text{người/ngày}$	120
		% nước cấp	90

	<i>Công nghiệp</i>	$m^3/ha/ngày$	16 - 48
5	Chỉ tiêu rác thải	kg/người/ngày	0,8-1,0
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	0,6
7	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥3,5

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Đất xây dựng đô thị	501,9	87,6
1	Đất dân dụng	430,01	75,0
1.1	Đất các đơn vị ở	208,21	36,3
	- Đất nhóm nhà ở	186,75	32,6
	+ Đất nhóm ở hiện trạng chính trang	110,82	19,3
	+ Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	75,93	13,3
	- Đất dịch vụ - công cộng trong đơn vị ở	15,4	2,7
	- Đất vườn hoa - cây xanh trong đơn vị ở	6,06	1,1
1.2	Đất thương mại dịch vụ kết hợp ở	58,08	10,1
1.3	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	55,17	9,6
	- Đất giáo dục cấp đô thị	1,49	0,3
	- Đất trung tâm y tế	1,23	0,2
	- Đất thương mại - dịch vụ, công cộng cấp đô thị và đất chợ đô thị	52,45	9,2
1.4	Đất cây xanh quảng trường đô thị	12,98	2,3
1.5	Đất bãi đỗ xe	4,42	0,8
1.6	Đất giao thông nội thị	91,15	15,9
2	Đất ngoài dân dụng	71,89	12,5
2.1	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,33	0,1
2.2	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,63	0,1
2.3	Đất công nghiệp	4,63	0,8
2.4	Đất cây xanh cảnh quan	33,2	5,8
2.5	Đất cây xanh cách ly	4,69	0,8
2.6	Đất an ninh quốc phòng	3,09	0,5
2.7	Đất nghĩa trang	14,65	2,6
2.8	Đất giao thông đối ngoại	10,67	1,9
II	ĐẤT KHÁC	71,13	12,4
1	Đất nông nghiệp	32,71	5,7

2	Mặt nước (sông suối, kênh...)	6,65	1,2
3	Đất dự trữ phát triển	28,68	5,0
4	Đất bãi cát	3,09	0,5
	Tổng	573,03	100,0

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

a) Nguyên tắc quy hoạch không gian

Trên cơ sở trực đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, cảng Mỹ Á, các khu chức năng chính đã được xác định trong đồ án quy hoạch chung được duyệt, tôn trọng hiện trạng phát triển của khu vực. Quy hoạch không gian kiến trúc đô thị Phổ Quang như sau:

- Hình thành các trục cảnh quan đô thị mang tính đặc trưng của đô thị biển và các không gian điểm nhấn trọng tâm đô thị: trục ven biển, ven sông, trục thương mại dịch vụ, cảng Mỹ Á, các công viên biển, quảng trường, bãi tắm công cộng kết hợp các dịch vụ biển.

- Phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại kết hợp với cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khớp nối đồng bộ với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực.

- Giữ lại chỉnh trang khu dân cư hiện hữu đảm bảo kết nối chặt chẽ với các khu mới, phát triển du lịch cộng đồng các khu làng chài ven biển để nâng cao đời sống người dân.

- Không gian trung tâm đô thị gắn kết chặt chẽ vùng cảnh quan ven biển, ven sông Thoa thành một tổng thể thống nhất từ hình thái tới màu sắc kiến trúc.

b) Các không gian chính trong khu vực quy hoạch

b1) Trung tâm hành chính cấp phường, xã: Được giữ lại vị trí theo hiện trạng và mở rộng ranh giới về phía Đông. Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

b2) Đất trung tâm y tế: Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Phổ Quang hiện hữu, kết hợp đầu tư xây dựng mới 03 công trình y tế (02 công trình cấp đơn vị ở và 01 công trình cấp đô thị) đáp ứng yêu cầu trong tương lai.

b3) Đất trung tâm giáo dục - đào tạo: Cải tạo, nâng cấp các trường học hiện hữu (Trường THCS Phổ Quang, Trường Tiểu học Phổ Quang, Trường Mầm non Phổ Quang); quy hoạch bố trí mới 02 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS và 01 trường trung học phổ thông.

b4) Hệ thống công viên cây xanh

- Quy hoạch mới công viên trung tâm, công viên ven biển phía Đông Nam trong khu vực và một số công viên chính trong các đơn vị ở; kết hợp tổ chức cây xanh dọc theo sông Thoa, cây xanh đường phố, nhằm hình thành không gian cảnh quan xanh đô thị, góp phần cải thiện môi trường.

- Khai thác cảnh quan mặt nước sông Thoa kết hợp với hệ thống công viên cây xanh, tạo thành tổng thể cảnh quan cây xanh, mặt nước, môi trường hài hòa.

- Bố trí xen lẫn trong các lõi dân cư một số khu cây xanh, vườn dạo nhằm đảm bảo cho nhu cầu vui chơi, học tập của trẻ em cũng như đáp ứng cho nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của người dân.

b5) Trung tâm thương mại dịch vụ

- Quy hoạch 02 chợ mới, trong đó 01 chợ đô thị và 01 chợ đơn vị ở thay thế cho chợ Hải Tân.

- Quy hoạch bố trí công trình thương mại dịch vụ tại các nút giao thông chính, trục đường chính; ưu tiên xây dựng hợp khối công trình để hình thành những công trình quy mô lớn, hình thức kiến trúc hiện đại, đa chức năng, tạo điểm nhấn về cảnh quan cho đô thị.

b6) Các đơn vị ở

- Các khu dân cư xây mới: Bố trí quỹ đất ở mới khu vực trung tâm phường Phổ Quang đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dân cư; bố trí dạng nhà ở liền kề (ở kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ) trên các trục đường chính, gần khu vực thương mại dịch vụ với mật độ xây dựng hợp lý.

- Các khu ở hiện hữu: Cơ bản giữ lại và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, cho phép xây dựng thêm nhà ở mới xen cấy trong khu vực hiện hữu nhưng phải đảm bảo các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định. Sử dụng hình thức nhà vườn, nhà phố, nhà liền kề với mật độ xây dựng hợp lý; mở rộng các tuyến đường nội bộ hiện trạng đủ để lưu thông và bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ dân cư.

b7) Đất nông nghiệp: Giữ lại vùng đất nông nghiệp phía Bắc khu vực để làm đất dự trữ phát triển trong tương lai.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a1) San nền

- Sử dụng giải pháp tôn nền kết hợp bố trí hệ thống kè ven sông Thoa và hệ thống cống, trạm bơm, cửa van đồng bộ để thoát nước mưa, chống ngập úng bảo vệ đô thị. San nền cục bộ ở các khu vực xây dựng mới, cao độ san nền phù hợp với nền hiện trạng của từng khu vực và các tuyến đường xung quanh.

- Cao độ khống chế san nền cụ thể của từng khu vực như sau:

+ Khu vực phía Tây và Nam dọc đường ĐT.627B: Lấy cao độ đường ĐT.627B làm cao độ chuẩn, cao độ nền $\geq 3,0\text{m}$;

+ Khu vực trung tâm dọc theo đường trục chính D5: Cao độ nền $\geq 5,0\text{m}$;

+ Khu vực phía Đông dọc theo đường Dung Quất - Sa Huỳnh: Lấy cao độ đường Dung Quất - Sa Huỳnh làm cao độ chuẩn; san nền cục bộ từng khu vực phù hợp với hiện trạng.

a2) Thoát nước mưa

- Những khu vực được quy hoạch xây dựng mới đồng bộ, bố trí hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đối với các khu vực dân cư hiện hữu, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước nữa riêng.

- Các lưu vực thoát nước mưa chính:

+ Lưu vực phía Tây đường trục chính D5: Thu nước trên các trục đường trục chính và thoát nước ra sông Thoa.

+ Lưu vực phía Đông đường trục chính D5: Thu nước trên các trục đường chính, thoát nước ra điều hòa và sông Thoa.

+ Lưu vực phía Nam: Thu nước trên các đường trục chính sau đó dẫn về công hiện trạng tại cảng Mỹ Á.

- Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn D600-D1500 và một số tuyến kênh hở (kết hợp dẫn nước cảnh quan).

b) Giao thông

b1) Giao thông đối ngoại

- Trục đường D1 (ĐT.627B): Nâng cấp, mở rộng mặt cắt ngang lên thành 27,0m (đóng vai trò trục vành đai phía Tây, theo hướng Bắc - Nam kết nối với các trục phân khu khác của thị xã); trong đó, lòng đường 17,0m, vỉa hè 2x5,0m.

- Trục đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh: Giữ nguyên tim tuyến theo quy hoạch được duyệt; quy hoạch, mở rộng quy mô mặt cắt trong khu vực phường Phổ Quang gồm các đoạn sau:

+ Đoạn từ nút N1 đến N14 với lộ giới 41,0m, trong đó lòng đường 16,0m, vỉa hè 10+15m;

+ Đoạn từ nút N14 đến N23 với lộ giới 26m, trong đó lòng đường 16,0m, vỉa hè 2x5m.

b2) Giao thông đối nội

- Đường trục chính đô thị: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 29,0 - 35,0m nhằm kết nối các trung tâm dân cư và các công trình chính cấp đô thị.

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 20,5 - 27,0m nhằm kết nối các khu chức năng chính, tạo cảnh quan cho đô thị.

- Đường chính khu vực, đường phân khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 14,5 - 20,5m;

- Đường khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 14,5 - 17,5m.

b3) Giao thông tĩnh

- Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 4,42 ha, được tổ chức gần các công trình công cộng, quảng trường, trung tâm thương mại, công viên cây xanh và các khu dân cư nhằm phục vụ người dân đô thị.

c) Cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng lưới điện Quốc gia từ trạm 110KV Mộ Đức.

- Tổng công suất tính toán khoảng 7.845kVA; giữ nguyên 15 trạm biến áp hiện hữu với tổng công suất khoảng 4.100kVA; đồng thời, quy hoạch mới 09 trạm biến áp, công suất mỗi trạm từ 400KVA đến 560KVA.

- Lưới điện:

- + Quy hoạch xây dựng mới kết hợp cải tạo nắn chỉnh một số tuyến điện trung thế, hạ thế nhằm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường giao thông.

- + Đối với các khu vực xây dựng mới, lưới điện được hạ ngầm đi trong hào kỹ thuật đảm bảo mỹ quan đô thị. Với các khu vực hiện hữu, từng bước hạ ngầm lưới điện tiến tới hạ ngầm hoàn toàn lưới điện cho toàn đô thị.

- Lưới điện chiếu sáng đường phố: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên.

d) Cấp nước

- Nguồn nước cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ Nhà máy nước phường Nguyễn Nghiêm (có công suất đến năm 2035 là 15.000m³/ngàyđêm), Trạm xử lý nước sinh hoạt Vùng 2, 3 (có công suất là 50m³/ngàyđêm) và Trạm xử lý nước sinh hoạt thôn Hải Tân (có công suất là 160m³/ngàyđêm).

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 4.100 m³/ngàyđêm.

- Mạng lưới đường ống:

- + Các tuyến ống chuyên tải bao gồm 3 tuyến ống chính D200, D300 chạy dọc trục đường từ cầu Trà Mốc đi theo ĐT.627B, đường N5 và tuyến nối từ Phở Minh sang thôn Du Quang. Tổng chiều dài khoảng 5 Km.

- + Các tuyến ống dẫn D100 - D150: Chạy dọc theo trục đường trong khu vực với tổng chiều dài đường ống khoảng 46 Km.

- Bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa cách nhau khoảng từ 100m-150m.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang

đ1) Thoát nước thải

- Quy hoạch xây dựng mới trạm xử lý nước thải ở phía Nam khu vực quy hoạch với công suất 3.000 m³/ng.đêm.

- Đối với các khu vực đô thị phát triển mới, quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải tập trung về các tuyến ống chính và các tuyến cống bao đưa về trạm xử lý nước thải để xử lý. Các dự án khu dân cư, khu đô thị đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng theo mô hình xử lý nước thải phân tán nhằm giảm tải cho trạm xử lý nước thải chung của khu vực.

- Quy hoạch các tuyến thoát nước thải quy hoạch có đường kính từ Ø300-Ø600 đi dọc theo vỉa hè các trục đường, thu gom nước thải dẫn về các trạm xử lý.

đ2) Chất thải rắn

- Chất thải rắn phát sinh trong khu vực quy hoạch phải được phân loại, thu gom, xử lý (hoặc chôn lấp) tại Khu xử lý chất thải rắn chung của thị xã Đức Phổ.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

đ3) Nghĩa trang

- Giữ nguyên nghĩa trang liệt sỹ hiện trạng. Từng bước di dời nghĩa địa nhỏ lẻ trong khu vực. Khoanh vùng đóng cửa, chỉnh trang lại nghĩa địa hiện trạng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng quy hoạch nghĩa trang chung cho toàn đô thị Đức Phổ tại Phố Cường và Phố Nhơn.

- Giai đoạn dài hạn, chuyển sang hình thức hỏa táng về nghĩa trang chung của thị xã Đức Phổ.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc, hào kỹ thuật

e1) Mạng điện thoại, mạng truyền hình

Sử dụng các trạm cung cấp theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt. Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ triển khai mạng đến từng đơn vị qua mạng cáp hoặc trạm thu phát sóng.

e2) Mạng ngoại vi

- Gồm các hệ thống hào, bể cáp và hầm cáp bố trí dọc theo các vỉa hè đường. Các tuyến thông tin liên lạc được hạ ngầm, bố trí trong mương dẫn cáp.

- Các tuyến cáp được đặt trong ống nhựa bảo vệ PVC Ø110x0,5; tại những đoạn qua đường sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm. Các tủ, hộp cáp được bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

e3) Hào kỹ thuật

Quy hoạch xây dựng các tuyến hào kỹ thuật đi dọc theo vỉa hè các trục

đường chính. Bố trí các tuyến đường dây, đường ống trong hào kỹ thuật hợp lý, đảm bảo khoảng cách giữa các tuyến theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cập nhật các nội dung điều chỉnh vào đồ án Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035.

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu được duyệt.

- Phê duyệt Quy định quản lý đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phổ Quang, thị xã Đức Phổ.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Phổ Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXD (Vũ 244).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh